TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2021/DS-ST
Ngày: 02/12/2021
V/v tranh chấp: *Hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông T**rần Văn Nhu**

2. Ông **Lý Minh Hùng**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thành Thêm** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 110/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp " *Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2021/QĐXXST-DS ngày 18/10/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Bà **Phạm Thị C**, sinh năm: 1961.

- Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm: 1960.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà **Phạm Thị C**, sinh năm: 1961

(Theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2021).

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm: 1976.

- Anh **Trần Hồng S**, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Hồng S: Chị **Nguyễn Thị Anh Đ**, sinh năm: 1976. (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2021)

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

(Bà C, chị Đ có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vào năm 2018 và 2019, vợ chồng chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S có vay của ông, bà nhiều lần số tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Sau khi vay, phía chị Đ, anh S trả lãi đủ đến ngày 13/6/2019 thì ngưng đến nay không trả vốn và lãi.

Nay ông, bà yêu cầu chị Đ, anh S trả số tiền vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13/6/2019 đến ngày 13/3/2021 số tiền lãi là 44.100.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn vay và tiền lãi là 114.100.000 đồng.

- Theo Tờ tự khai đề ngày 22/3/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S trình bày:

Chị Đ và anh S thừa nhận có vay tiền của bà C, ông H 05 lần tổng cộng số tiền vốn vay là 70.000.000 đồng như lời bà C khai là đúng, nhưng lãi suất vay là 15%/tháng. Sau khi vay anh, chị trả tiền lãi đến tháng 05/2020 mới ngưng. Về tiền vốn, có trả được số tiền 30.000.000 đồng (Trả làm 03 lần mỗi lần 10.000.000 đồng).

Nay anh, chị chỉ đồng ý trả cho bà C, ông H số tiền vốn vay 40.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi.

- Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến về phần tiền vốn. Riêng về phần tiền lãi suất, hai bên thỏa thuận thống nhất phía chị Đ trả cho phía bà C số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát tham dự phiên tòa phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nhận thấy yêu cầu nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, vì: Theo lời trình bày của bà C do quen biết nên bà có cho bà Đ vay số tiền 70.000.000đ với lãi suất 3%/tháng, các lần bà Đ vay tiền của ông H, bà C cụ thể như sau: Ngày 12/9/2018 vay 10.000.000đ; ngày 08/11/2018 vay 30.000.000đ; ngày 20/02/2019 vay 10.000.000đ; ngày 28/02/2019 vay 10.000.000đ và ngày 13/6/2019 vay 10.000.000đ. Các biên nhận do bà Đ tự viết và ký tên. Bà C cũng cung cấp được 05 biên nhận chứng minh cho yêu cầu của mình. Về phía bà Đ cũng thừa nhận có vay tiền của bà C và ông H 05 lần như bà C đã trình bày và bà Đ là người nhận tiền các lần vay. Tuy nhiên, bà Đ trình bày là đã trả vốn cho bà C 03 lần tổng cộng là 30.000.000đ (Gồm: Hai lần mỗi lần trả 10.000.000đ vào năm 2019, lần thứ 3 trả 10.000.000đ vào ngày 09/9/2020) nhưng bà không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc bà đã trả tiền vốn 30.000.000đ cho bà C và bà C cũng không thừa nhận. Mặc dù, các biên nhận nợ đều do bà Đ mượn nợ và ký tên, nhưng chồng bà là ông S cũng đồng ý cùng bà Đ trả nợ cho ông H, bà C. Do đó bà C yêu cầu bà Đ và ông S trả số tiền 70.000.000đ là có cơ sở chấp nhận. Về lãi suất: Bà C yêu cầu tính lãi suất là 3%/tháng tính từ ngày 13/6/2019 đến nay với số tiền là 44.100.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà C chỉ yêu cầu số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Bà Đ cũng đồng ý trả lãi 10.000.000 đồng nên công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Anh Đ và ông Trần Hồng S trả cho bà C và ông H số tiền 70.000.000đ và 10.000.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà C, ông H kiện chị Đ, anh S tranh chấp về Hợp đồng vay tiền. Đây là giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Bà C, ông H tranh chấp kiện bị đơn yêu cầu trả số tiền nợ vay, nên xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc ủy quyền của đương sự*: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H ủy quyền cho bà Phạm Thị C (Theo văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc B chứng thực ngày 24/02/2021)

Bị đơn anh Trần Hồng S ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Anh Đ (Theo văn bản ủy quyền được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Bắc B chứng thực ngày 29/3/2021).

Xét việc ủy quyền của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 138 của Bộ luật dân sự, nên bà C là người đại diện theo ủy quyền của ông H, chị Đ là người đại diện theo ủy quyền của anh S.

[2]. **Về nội dung vụ án**:

Vào năm 2018 và 2019, vợ chồng chị Nguyễn Thị Anh Đ, anh Trần Hồng S có vay của ông H, bà C nhiều lần số tiền tổng cộng là 70.000.000 đồng. Đồng thời, bà C cung cấp chứng cứ là 05 biên nhận các lần vay, nhận tiền, cụ thể như sau:

Biên nhận ngày 12/9/2018 vay số tiền 10.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 08/11/2018 vay số tiền 30.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 20/02/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 28/02/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng.

Biên nhận ngày 13/6/2019 vay số tiền 10.000.000 đồng.

Chị Đ đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh S thừa nhận có vay tiền của bà C, ông H 05 lần tổng số tiền 70.000.000 đồng và thừa nhận các chứng cứ

là 05 biên nhận nhận tiền do bà C cung cấp đúng là do chị Đ viết và ký tên. Do vậy, có căn cứ xác định Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn thực tế đã phát sinh theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

Tuy nhiên, theo lời chị Đ khai lãi suất khi vay là 15% không phải 3% và anh, chị đã trả được số tiền vốn là 30.000.000 đồng (Trả làm 03 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, trả 02 lần vào năm 2019 và 01 lần vào ngày 09/9/2020). Đồng thời, chị Đ có cung cấp cho Tòa án 01 thẻ nhớ màu đen dung lượng 2GB.

[2.1]. *Về tiền vốn vay*:

Xét lời chị Đ khai đã trả số tiền vốn là 30.000.000 đồng, bà C là người trực tiếp nhận tiền, nhưng không được bà C thừa nhận. Đồng thời chị Đ, anh S có cung cấp 01 thẻ nhớ màu đen dung lượng 2GB. Tuy nhiên, anh chị không có văn bản trình bày nội dung thẻ nhớ là gì, xuất xứ thẻ nhớ theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Tòa án đã có thông báo số 113A/2021/TB-TA ngày 29/03/2021 về việc quy định thời gian cung cấp nguồn gốc, xuất xứ, nội dung của thẻ nhớ, nhưng phía chị Đ vẫn không cung cấp. Do vậy, thẻ nhớ màu đen dung lượng 2GB do chị Đ cung cấp không được xem là chứng cứ. Ngoài ra, anh, chị cũng không có chứng cứ chứng minh nào khác cho việc trả số tiền vốn 30.000.000 đồng, nên không chấp nhận lời khai này của phía chị Đ.

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H yêu cầu chị Đ, anh S trả số tiền vốn 70.000.000 đồng là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H. Buộc chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S liên đới trả cho bà C, ông H số tiền vốn vay 70.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ Luật dân sự.

[2.2]. *Về yêu cầu tính tiền lãi suất*: Tại phiên tòa, bà C thay đổi yêu cầu tính lãi suất chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 10.000.000 đồng. Mặc dù lời khai hai bên không thống nhất về mức lãi suất cho vay, nhưng tại phiên tòa các bên không tranh chấp. Đồng thời, hai bên tự thỏa thuận và thống nhất chị Đ trả cho bà C, ông H số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

Xét việc thỏa thuận trả tiền lãi suất giữa hai bên là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ Luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. Xét toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H là có cơ sở, nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà C, ông H.

Buộc chị Nguyễn Thị Anh Đ, anh Trần Hồng S liên đới trả cho bà C, ông H tổng cộng tiền vốn và tiền lãi 80.000.000 đồng (Tiền vốn 70.000.000 đồng, tiền lãi 10.000.000 đồng).

[3]. **Về án phí**: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên chị Đ, anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. **Về quyền kháng cáo**: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 280, Điều 288 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C và ông Nguyễn Thanh H.

- Buộc chị Nguyễn Thị Anh Đ và anh Trần Hồng S liên đới trả cho bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Thanh H số tiền 80.000.000 đồng.

- Kể từ ngày bà C, ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đ, anh S chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Đ, anh S liên đới chịu 4.000.000 đồng.

- Hoàn lại bà Phạm Thị C, ông Nguyễn Thanh V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.852.500 đồng theo biên lai thu số 0004892 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN